

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2020

"V/v Tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Phụng.

Ông Nguyễn Văn Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 4/1, ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị Lan H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 66/19, đường NCT, Phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Mai Thị Lan H tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống của vợ chồng không hòa hợp, sau khi sinh con bà H thay đổi tính tình vợ chồng không

nói chuyện với nhau, không quan tâm đến chồng vì vậy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, vì vậy ông T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/02/2017, hiện nay đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, ông T yêu cầu giao con cho bà H nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2020, bị đơn bà Mai Thị Lan H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H thống nhất với ý kiến của ông T đã trình bày về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do sau khi sinh con bà có thay đổi về tính tình nhưng ông T không hiểu, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà H mong muốn được đoàn tụ gia đình vì còn thương chồng con vì vậy bà H không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/02/2017, hiện nay đang sống chung với bà H. Trường hợp, Tòa giải quyết quyết ly hôn thì bà H đồng ý nuôi dưỡng con chung, đồng ý ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/11/2020.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh T. Cho ông T được ly hôn với bà H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/02/2017 cho bà H nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh Long được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/11/2020, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Mai Thị Lan H tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, ông T xác định mâu thuẫn do cuộc sống của vợ chồng không hòa hợp, sau khi sinh con bà H thay đổi tính tình, vợ chồng không nói chuyện với nhau, không quan tâm đến chồng mặc dù ông đã khuyên nhiều lần nhưng bà H không sửa đổi vì vậy ông T yêu cầu được ly hôn với bà H. Về phía bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai xác định nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi sinh con bà có thay đổi về tính tình nhưng ông T không hiểu, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình tuy nhiên bà H mong muốn được đoàn tụ gia đình vì còn thương chồng con vì vậy không đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có mong muốn được đoàn tụ gia đình tuy nhiên Tòa án đã thông báo cho bà H tham gia hòa giải để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H không tham dự. Ngoài ra, theo bà H xác định từ khi sống ly thân năm 2017 bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay thì ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn chia sẻ khó khăn trong cuộc sống hàng ngày và từ khi ông bà sống ly thân ông T, bà H cũng không giải quyết được những mâu thuẫn, không có biện pháp khắc phục khuyết điểm để đoàn tụ gia đình. Mặt khác, ông T xác định trường hợp nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì ông vẫn không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà H xác định ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/02/2017.

Xét điều kiện nuôi con: Xét thấy, ông T và bà H xác định từ khi ông bà sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay cháu K do bà H nuôi dưỡng cũng đảm bảo cho cháu phát triển, ông T có yêu cầu giao con cho bà H nuôi dưỡng, bà H cũng đồng ý nuôi con khi ông bà ly hôn. Do đó, để đảm bảo về chỗ ở ổn định, đảm bảo về việc chăm sóc, học tập, vui chơi, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý vì vậy tiếp tục giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Khiêm đủ tuổi trưởng thành, bà H cũng đồng ý vì vậy buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Ông T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 12/10/2020 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0005749 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VL thành tiền án phí. Ông T phải nộp thêm 300.000 đồng nữa mới đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T. Cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Mai Thị Lan H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 14/02/2017 cho bà H nuôi dưỡng, ông T phải phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Ông T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 12/10/2020 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0005749 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố VL thành tiền án phí. Ông T phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nữa mới đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Minh Trường**